

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG NAM BỘ

Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững ở dân tộc Chăm hiện nay
Mã số: CTĐT.15.15/16-20

HỘI THẢO KHOA HỌC
DỰ BẢO XU THẾ ĐỒNG BẢO CHĂM
TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 04 năm 2019

MỘT SỐ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUAN HỆ DÂN TỘC VÙNG NGƯỜI CHĂM Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh

ThS Trần Mai Phương¹⁷

1. Mở đầu

Quan hệ dân tộc là mối quan hệ giữa các nhóm địa phương trong một tộc người (group local relation), quan hệ giữa các tộc người (ethnic relation) trong một quốc gia, xuyên quốc gia và mối quan hệ giữa tộc người (ethnic) với quốc gia (nation) trên nhiều lĩnh vực, như chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa... Quan hệ dân tộc vừa là mối quan hệ tự nhiên, vừa là quan hệ tác yếu mang tính chính trị, xã hội trong một quốc gia đa dân tộc.

Tầm quan trọng của quan hệ dân tộc được thể hiện trong nhiều phương diện của đất nước, như đoàn kết dân tộc, đói nghèo, công bằng xã hội, an ninh quốc gia, ... Do vậy, các thể chế chính trị khác nhau luôn chú trọng quan hệ dân tộc và coi đó là nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của mình. Tuy nhiên, giải quyết vấn đề này một cách hợp lý, đúng đắn ở mỗi quốc gia là điều hết sức khó khăn và phức tạp.

Ở nước ta, quan hệ dân tộc từ lâu đã được Đảng và Chính phủ chú trọng quan tâm cả về nội dung chính sách và việc triển khai thực hiện. Bởi vậy, trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ đất nước, các dân tộc dù đa số hay thiểu số đã sát cánh cùng nhau, có nhiều đóng góp to lớn vào sự nghiệp chung của đất nước. Hiện nay, khi bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các chủ trương chính sách về quan hệ dân tộc của Đảng càng tập trung vào việc củng cố sự đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Nhờ chính sách dân tộc và quá trình triển khai thực hiện chính sách đó hợp lý, đúng đắn của Đảng và Chính phủ, quan hệ dân tộc ở nước ta kể từ trước đến nay về cơ bản là ổn định. Xu thế chung của quan hệ này là gắn bó,

¹⁷ ĐHKH Huế, Mob. 0905108000; Email: nguyenvanmanh111@yahoo.com



ISSN 0866-7543

Tap chí

THÔNG TIN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

Journal for science and technology information

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG BÌNH



■ ĐƯA KH&CN VÀO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA
HÀNH LANG ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH VÙNG BẮC TRUNG BỘ

■ ỨNG DỤNG HỆ THỐNG ISO ĐIỆN TỬ - GIẢI PHÁP ĐỂ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

- Chuyện vừa làm thầy vừa làm thợ của một kỹ sư trẻ trong chăm nuôi bò - **Đặng Văn Huệ**
- Quảng Ninh với phong trào "Người cao tuổi làm kinh tế giỏi" - **Thái Toàn**
- Những vấn đề đặt ra về hỗ trợ đồng bào mới trong Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ ở Quảng Bình - **Văn Lạc**
- Thay đổi tập quán tiêu dùng nhằm thoát nghèo bền vững vùng đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế - **Nguyễn Văn Mạnh**
- Xác định hàm lượng COD, BOD₅, Nitơ tổng, Phospho tổng, E.coli, Coliform tổng số trong nước sông Gianh - **Nguyễn Thị Minh Lợi**
- Sân ga một người - **Trần Hùng**
- Trận chiến bên cửa biển Nhật Lệ mở màn Quảng Bình kháng Pháp - **Hồ Ngọc Diệp**
- Múa phương trường xuất uy - thổ thần hương đạo - Một di sản văn hóa tâm linh đặc sắc **Phan Thanh Tịnh**

* KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Một số đặc điểm hang động chưa công bố tại khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng - **Võ Văn Trí**
- Ứng dụng công nghệ sản xuất nước mắm bằng năng lượng mặt trời theo chu trình kín **Đặng Ngọc Thọ**
- Nhân rộng mô hình nuôi giống gà địa phương bằng phương pháp bán chăn thả ở xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa - **Trần Thị Thu Hiền**
- Thực trạng vệ sinh thú y trong chăn nuôi và kết quả giám sát cúm gia cầm tại tỉnh Quảng Bình - **Phạm Hồng Kỳ**
- Một số vấn đề trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Bình - Nhận diện và giải pháp - **Từ Nhật Tú**
- Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã ở tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay - **Lê Minh Tuynh**
- Nghiên cứu xây dựng mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị góp phần xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình - **Nguyễn Văn Sơn**

* TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Hội nghị giao ban KH&CN vùng Bắc Trung Bộ lần thứ XIII tại Nghệ An - **D.T**
- Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: "Đánh giá hiệu quả một số biện pháp... nhiễm vi rút viêm gan B tại cộng đồng miền núi và ven biển tỉnh QB" - **T.N**
- Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: "Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng về quản lý, sử dụng các loại thiết bị, vật tư... đảm bảo an toàn cho người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình" - **T.N**
- Kiểm tra nhiệm vụ KH&CN liên kết: "Trồng thử nghiệm giống cam Vũ Quang trên vùng gò đồi huyện Lệ Thủy" - **H.D**
- Tập huấn chế biến nước mắm sử dụng tấm thu năng lượng mặt trời - **H.D**
- Kiểm tra nhiệm vụ KH&CN liên kết: "Sản xuất rau hữu cơ và giải pháp sử dụng đạm thực vật thay thế đạm vô cơ trong sản xuất rau" - **T.N**

THAY ĐỔI TẬP QUẢN TIÊU DÙNG NHẪM THOÁT NGHÈO BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG BÌNH, QUẢNG TRỊ VÀ THỪA THIÊN HUẾ

PGS.TS. NGUYỄN VĂN MANH

Trưởng Đại học Khoa học Huế

1. Đặt vấn đề

Ở vùng miền núi các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế chủ yếu có 4 dân tộc thiểu số cư trú: Tà-ôi, Cótu, Bru - Vân Kiều và người Chứt. Dân số tính đến năm 2015 trong cộng đồng dân cư nơi đây, người Việt chiếm 93,38%, các dân tộc thiểu số chiếm 6,62%; trong đó, ở Quảng Bình, dân tộc Bru - Vân Kiều có 16.177 người, dân tộc Chứt có 5.538 người; ở Quảng Trị, dân tộc Tà-ôi có 10.187 người, Bru - Vân Kiều có 38.362 người; ở Thừa Thiên Huế, dân tộc Tà-ôi có 31.264 người, Cótu có 14.589 người, Bru - Vân Kiều có 850 người¹.

Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây, trong tập quán tiêu dùng, chủ yếu sử dụng sản phẩm tự cung tự cấp và chú trọng dành dụm của cải để chi tiêu các nhu cầu thuộc đời sống tinh thần như cúng tế, cưới hỏi, tang ma, lễ hội... Vì vậy, thay đổi tập quán tiêu dùng cho đồng bào là người dân phải chủ động sử dụng sản phẩm của thị trường/ kinh tế hàng hóa; chú trọng tiêu dùng phục vụ nhu cầu ăn, ở, mặc, y tế, giáo dục, tài sản xuất...; chú trọng thay đổi số lượng tiêu dùng theo hướng cắt giảm của cải phục vụ đời sống tinh thần để chi tiêu vào các nhu cầu vật chất, kinh tế, xã hội... Việc thay đổi

tập quán tiêu dùng đó là nhân tố quan trọng góp phần thoát nghèo bền vững cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng miền núi các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

2. Tập quán tiêu dùng của đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế

Về cơ bản, thu nhập của đồng bào chủ yếu tập trung vào việc khai thác lâm sản, trồng trọt, chăn nuôi. Trong đó, ngoài thu nhập từ khai thác lâm sản bấp bênh, các gia đình chủ yếu dựa vào mùa thu hoạch sản (một mùa vụ khoảng 9 tháng), với giá từ 600 đến 800 đồng/1kg; còn thu hoạch chuối, thơm, mít không đáng kể; trung bình mỗi tháng một gia đình chỉ kiếm được trên dưới 1.000.000 đồng. Có những gia đình chỉ làm ngày nào lễ ăn ngày đó; họ kiếm thức ăn từ rừng, suối như cá, chuối và rau củ quả rừng, măng rừng, chuối rừng... để mang ra chợ bán. Đa phần các hộ tiêu dùng chi tiêu vượt quá thu nhập, không hợp lý, nhất là tiêu dùng phục vụ đời sống tinh thần, dẫn đến tình trạng không những không tích lũy được tiền bạc mà còn bị thâm hụt. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho tình trạng nghèo đói hiện nay của các dân tộc thiểu số ở Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế

¹ Số liệu của Ban Dân tộc các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

² Ở Quảng Bình, dân tộc Bru - Vân Kiều bao gồm cả người Vân Kiều, Khùa, Tít, Mácơng; dân tộc Chứt bao gồm người Bành, Mây, Rục, Aram, Mít Liêng.

³ Trồng lúa rẫy và lúa nước chỉ phục vụ nhu cầu lương thực của các gia đình.



ISSN 0866-7543

Tap chí
THÔNG TIN
KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ
Journal for science and technology information

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG BÌNH



- NGÀY HỘI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA TECHFEST 2018 "KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO - KẾT NỐI TOÀN CẦU"
- ỨNG DỤNG CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 TRONG NÔNG NGHIỆP

Tạp chí
THÔNG TIN
KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. Nguyễn Đức Lý

Phó Tổng Biên tập phụ trách
kiểm Thư ký Tòa soạn
CN. Nguyễn Đăng Tuấn

Tòa soạn và Trị sự:
Trung tâm Thông tin và
Thống kê khoa học và
công nghệ Quảng Bình

ĐC: Phường Đồng Phú
TP. Đồng Hới - Quảng Bình

ĐT: (0232) 3822 996
3825 601 - 3825 602
Fax: (0232) 3822 808

Email: tkkcnquangbinh@gmail.com

Giấy phép xuất bản:
Số 1936/GP-BTTTT do Bộ
Thông tin và Truyền thông
cấp ngày 22/10/2012
In tại Công ty In Thanh Phúc QB
98 Hữu Nghị - TP. Đồng Hới - QB
In xong và nộp lưu chiểu
tháng 12/2018

Ấn bản 1: Lễ Khai mạc Ngày hội khởi nghiệp đổi mới
đang tại Đắc gia Techfest 2018

Viện Quy Nhơn và KH&CN Quốc gia

Trong số này

* KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

- Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia Techfest 2018 "Khởi nghiệp sáng tạo - kết nối toàn cầu" 3
- Thành lập và vận hành Trung tâm Đổi mới sáng tạo toàn cầu tại Việt Nam 6
- Sử dụng khoa học và công nghệ làm đòn bẩy để phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp địa phương 8

* NGHIÊN CỨU - ĐÁO ĐỔI

- Đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017 và giải pháp nâng cao chỉ số (PCI) tỉnh Quảng Bình những năm tiếp theo - **Hồ Thị Minh Huệ** 11
- Ứng dụng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong nông nghiệp - **Vũ Khắc Sơn** 17
- Nhìn lại chặng đường 4 năm tại cơ cấu nhân mudi 2014-2018 - **Đặng Thủy Trang** 22
- Đột phá trong tài cơ cấu lĩnh vực trồng trọt - **Ngọc Lan** 25
- Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong phát triển sản xuất nông nghiệp ở huyện Bố Trạch - **Lưu Văn Lộc** 28
- Cách làm giàu từ nông nghiệp của một thợ lái máy công trình - **Đặng Văn Huệ** 31
- Công nghệ xử lý NOx và SOx tại Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I - **Lê Văn Thái** 33
- Thực trạng chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt tại các công trình cấp nước tập trung vùng nông thôn tỉnh Quảng Bình - **Lê Minh Tiên** 35
- Thực trạng và một số giải pháp thu hút khách du lịch đối với điểm đến Phong Nha - Kẻ Bàng - **Lê Đình Bắc** 38
- Mô hình dân vận khéo "Giãn việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trong công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin KH&CN vào xây dựng nông thôn mới" - **Phạm Thúy An** 45
- Thu nhập và tập quán tiêu dùng hàng ngày trong gia đình ở các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế - **Nguyễn Văn Mạnh** 48

THU NHẬP VÀ TẬP QUẢN TIÊU DÙNG HÀNG NGÀY TRONG GIA ĐÌNH Ở CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG BÌNH, QUẢNG TRỊ VÀ THỪA THIÊN HUẾ

PGS.TS. NGUYỄN VĂN MẠNH

Trưởng Đại học Khoa học Huế

LÊ VĂN CƯỜNG

Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế

1. Đặt vấn đề

Thu nhập là tổng các khoản thu bằng tiền hoặc hiện vật do lao động của các thành viên trong gia đình tạo ra. Nó có mối quan hệ khăng khít với khả năng tiêu dùng, nên có thể nói, thu nhập là tấm gương phản chiếu khả năng tiêu dùng của từng gia đình nói riêng và của cả cộng đồng dân cư nói chung.

Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, mặc dù thu nhập hằng ngày rất hạn chế, chủ yếu nguồn thu từ kinh tế nương rẫy bắp bênh, nhưng trong tập quán tiêu dùng, họ chú trọng dành dụm của cải để chi tiêu các nhu cầu thuộc đời sống tinh thần như cúng tế, cưới hỏi, tang ma, lễ hội... Vì vậy, đời sống của đồng bào vốn đã gặp nhiều khó khăn lại càng đứng trước những thách thức về nghèo nàn và lạc hậu.

2. Thu nhập trong gia đình

Đồng bào các dân tộc thiểu số Tà-ôi, Cota, Bru - Vân Kiều và Chứt ở miền núi các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, thu nhập trong gia đình, ngoài các khoản thu bằng tiền trợ cấp xã hội, chủ yếu được tích lũy từ các hoạt động kinh tế nông nghiệp, hái nhặt lâm sản, chăn nuôi và nghề thủ công truyền thống; cụ thể các khoản thu như sau:

- Nông nghiệp/ trồng trọt

Cũng như các tộc người khác ở vùng rừng núi Trường Sơn, đồng bào các dân tộc thiểu số Tà-ôi, Cota, Bru - Vân Kiều và Chứt, nguồn

thu nhập chính là kinh tế nương rẫy, bao gồm trồng lúa, sắn, ngô, khoai, kê và các loại cây quả như thơm, mít, chuối, đu đủ..., các loại củ quả như bầu, bí, dưa, mận... Hình thức sản xuất nương rẫy theo lối thủ công thô sơ, đốt-đốt-tria, kỹ thuật canh tác lạc hậu, công suất sản xuất hết sức thô sơ nên năng suất cây trồng rất thấp và bấp bênh. Thu nhập bình quân của mỗi gia đình từ kinh tế nương rẫy, ước tính khoảng 100.000 - 200.000 đồng/tháng, chủ yếu là nguồn thu từ lúa, sắn, chuối, thơm, mít.

Nguồn thu từ trồng trọt hiện nay của đồng bào còn ở sản xuất lúa nước. Do tình hình của nó, nên loại hình canh tác này đã sản sinh ra phần lớn lương thực đáp ứng nhu cầu của người dân. Tuy vậy, giá trị nguồn thu này cũng hạn chế. Mặc dù trong những năm qua người dân đã nhận được sự giúp đỡ của các chương trình, dự án của chính quyền địa phương để phát triển lúa nước thông qua việc đầu tư giống, kỹ thuật, công trình thủy lợi nhưng năng suất vẫn thấp; bình quân chỉ khoảng 1-2 tấn đồng cho mỗi hộ năm.

Nguồn thu của đồng bào từ trồng trọt phải kể đến kinh tế vườn. Vườn của người dân trồng đủ các loại cây như mít, bơ, chuối, khế... Mỗi loài cây một ít, theo kiểu vườn cây ăn trái. Mỗi loài cây một ít, theo kiểu vườn cây ăn trái để cung cấp rau quả hằng ngày cho gia đình theo kiểu mùa nào thức ấy. Ngoài ra, ở đồng bào còn có vườn đồi, trồng các loại cây lấy gỗ như keo, bạch đàn; tuy nhiên những sản phẩm



ISSN 0866-7543

Tap chí
THÔNG TIN
KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ
Journal for science and technology information

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG BÌNH



- **PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP: "CHÌA KHÓA VÀNG" THỰC HIỆN TẠI CƠ CẤU NGÀNH**
- **ỨNG DỤNG CHẾ PHẨM SINH HỌC GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG**
- **MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

- Nuôi bươm sáo cho thu nhập cao - **Thái Toàn**
- Hợp tác xã Văn Sơn - Mô hình mây, tre đan cần được nhân rộng - **Lê Chiêu Phùng**
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình - **Quách Xuân Hưng**
- Phân tích một số chỉ tiêu nhằm đánh giá chất lượng của nước sông Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình - **Nguyễn Thị Minh Lợi**
- Vai trò của phong tục, tập quán trong đời sống xã hội hiện nay - **Nguyễn Thị Trà Giang**
- Tập quán tiêu dùng trong lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế - **Nguyễn Văn Mạnh**
- Thực trạng và giải pháp bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử cách mạng phục vụ phát triển du lịch phía Bắc tỉnh Quảng Bình - **Tạ Đình Hà**

*** KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

- Kiểm toán năng lượng và giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả - **Lê Văn Lập**
- Bước đầu khảo sát hệ thống Thành hoàng ở Quảng Bình qua tư liệu Hán Nôm
Nguyễn Văn Tuấn
- Đặc điểm tiếng địa phương Quảng Bình và việc phản ánh trong từ điển phương ngữ Quảng Bình - **Võ Thị Dung**

*** TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

- Hội thảo khoa học "Quảng Bình - 30 năm đổi mới và phát triển" - **Trần Thị Hồng Duyên**
- Hội thảo khoa học "Phát triển nông nghiệp tại 10 xã vùng Nam thị xã Ba Đồn"
Trần Thị Hồng Duyên
- Xét duyệt nội dung hai nhiệm vụ KH&CN liên kết: "Trồng thử nghiệm cây măng tây anh trên vùng gò đồi huyện Quảng Ninh" và "Xây dựng mô hình nhân giống và trồng thử nghiệm cây sim rừng tại Quảng Bình" - **Trần Thị Thu Hiền**
- Xây dựng mô hình chế biến dầu sả theo chuỗi khép kín ở HTX nông nghiệp Bình Trại, xã Dương Thủy, huyện Lệ Thủy - **Lưu Văn Lộc**
- Nhớ ngày 30/4/1975 - **Hoàng Hiếu Nghĩa**

TẬP QUẢN TIÊU DÙNG TRONG LỄ HỘI CỦA ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG BÌNH, QUẢNG TRỊ VÀ THỪA THIÊN HUẾ

PGS.TS. NGUYỄN VĂN MẠNH

Trưởng Đại học Khoa học Huế

LÊ VĂN CƯỜNG

Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế

1. Đặt vấn đề

Ở vùng miền núi các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế chủ yếu có 4 dân tộc thiểu số cư trú: Tà-ôi, Cótu, Bru - Vân Kiều và người Chứt. Dân số tính đến năm 2015¹ mang cộng đồng dân cư nơi đây, người Việt chiếm 93,38%, các dân tộc thiểu số chiếm 6,62%; trong đó, ở Thừa Thiên Huế, dân tộc Tà-ôi có 31.264 người, Cótu có 14.589 người, Bru - Vân Kiều có 850 người; ở Quảng Trị, dân tộc Tà-ôi có 10.187 người, Bru - Vân Kiều có 38.362 người; ở Quảng Bình, dân tộc Bru - Vân Kiều có 16.177 người, dân tộc Chứt có 1.538 người².

Các dân tộc thiểu số nơi đây do sống trong môi trường rừng núi với nền kinh tế chủ yếu nương rẫy nên trong lĩnh vực tinh thần, hoạt động lễ hội diễn ra trong năm hoặc theo chu kỳ của mùa khá phổ biến, như lễ cúng cơm mới/lễ tết, lễ cúng rừng, lễ cúng thần làng, lễ đâm trâu, lễ cúng cầu mưa, lễ kết nghĩa anh em,...

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống, luôn gắn liền các cộng đồng dân cư nhất định nó nhằm hướng tới sự hòa hợp giữa người với người, giữa con người với tự nhiên và giữa con người với thế giới tâm linh. Lễ hội là sự phản ánh những ước vọng cũng như sự trưởng thành của con người đến các đẳng thần

linh về một cuộc sống no đủ, an lành.

Lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế nói chung thường được tổ chức vào khoảng thời gian nông nhàn, sau mùa rẫy, nhằm đáp ứng những nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần, cũng như tạo ra những hình thức vui chơi, nghỉ ngơi thư giãn. Vì vậy, lễ hội có nhiều ưu điểm cần được giữ gìn và phát huy; nhưng để phục vụ cho hoạt động tâm linh này, đồng bào phải chuẩn bị khá tốn kém nhiều lễ vật, ảnh hưởng đến việc cân đối chi tiêu trong gia đình và là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đói nghèo vẫn còn khá phổ biến trong cộng đồng các dân tộc thiểu số nơi đây. Bài viết này, vì vậy, đề cập đến tập quán tiêu dùng khá tốn kém tiền bạc của đồng bào trong việc tổ chức lễ hội.

2. Lễ cúng cơm mới

Trong các lễ hội của đồng bào, lễ hội cúng cơm mới được xem như một ngày tết, diễn ra vào tháng giêng, lúc men rượu cần còn thơm mùi thơm trong mỗi gia đình. Nhưng lễ cúng cơm mới của đồng bào không tổ chức theo một thời gian nhất định mà tùy thuộc vào mùa rẫy kết thúc sớm hay muộn, những công việc chuẩn bị cho ngày hội diễn ra nhanh hay chậm. Đây là lễ nghi cuối cùng trong hệ thống các

¹ Theo kết quả nghiên cứu khoa học của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, được ngân sách nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư.
² Theo Ban Dân tộc các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.
³ Ở Quảng Bình, dân tộc Bru - Vân Kiều bao gồm cả người Vân Kiều, Khùa, Trì, Ma Công, dân tộc Chứt bao gồm người Sẻ, Mày, Rục, Arem, Mả Liêng.



BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

**BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA
TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

Hà Nội, 5/2019

TT	Họ và tên	Tham luận hội thảo	Tr.
24.	PGS.TS. Phạm Văn Lợi	Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của người Cơ Tu trong xây dựng bản làng và nhà ở (thôn Agrông, xã Atiêng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam)	191
25.	PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền Trung: Thực trạng và giải pháp	200
26.	TS. Vũ Thị Thanh Minh	Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển sinh kế, giảm nghèo đa chiều bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi	208
27.	NS. Linh Nga NieK Dăm	Phát huy âm nhạc dân gian trên sóng phát thanh các thủ tiếng dân tộc	218
28.	ThS. Trần Ngọc Ngân	Bảo tồn văn hóa truyền thống của các dân tộc rất ít người trong thời kỳ hội nhập quốc tế	226
29.	ThS. Nguyễn Thị Thủy Nhung	Mối quan hệ giữa công tác xóa đói, giảm nghèo và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam	231
30.	TS. Buôn Krông Tuyết Nhung	Hôn nhân, gia đình của người Bahnar qua luật tục	239
31.	ThS. Trần Đức Sáng	Một số vấn đề về bảo tồn lễ hội A Da Koonh của người Pa Cồ ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế	251
32.	TS. Lý Hành Sơn	Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng truyền thống của tộc người thiểu số ở mức ta hiện nay	262
33.	TS. Trần Hữu Sơn	Một số bài học kinh nghiệm về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa ở vùng đồng bằng dân tộc thiểu số tây bắc	270
34.	PGS.TS. Ngô Quang Sơn	Giáo dục bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc thù của các dân tộc thiểu số trong môi trường giáo dục đa văn hóa ở các trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh, cấp huyện trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay	280

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở MIỀN TRUNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

PGS. TS. Nguyễn Văn Mạnh
Đại học Khoa học Huế

1. Mở đầu

Vùng núi miền Trung¹ là một vùng văn hóa đa dân tộc, ngoài người Kinh, nơi đây có hơn 15 dân tộc thiểu số cư trú, chỉ riêng các tỉnh từ Quảng Nam đến Quảng Bình đã có hơn 10 dân tộc thiểu số; cụ thể ở Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng chủ yếu có 5 dân tộc với khoảng 172.139 người sinh sống, tập trung ở huyện Hòa Vang của thành phố Đà Nẵng với khoảng 100.000 người và miền núi phía tây của tỉnh Quảng Nam, như Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My; bao gồm dân tộc Cơ tu 37.310 người; dân tộc Xơ Đăng có 30.231 người dân tộc Mông có 13.681 người dân tộc Giẻ Triêng có 4.546 người dân tộc Co có 4.607 người; ở Thừa Thiên Huế có 3 dân tộc thiểu số cư trú chủ yếu ở 2 huyện Nam Đông và A Lưới: Dân tộc Cơ tu 14.589 người, Tà i 31.264 người, Bru - Vân Kiều có 830 người; ở Quảng Trị có 1 dân tộc thiểu số cư trú chủ yếu ở huyện Đakrông và Hướng Hóa: Dân tộc Tà i 10.181 người, Bru - Vân Kiều có 31.062 người; ở Quảng Bình có 2 dân tộc thiểu số cư trú chủ yếu ở 2 huyện Tuyên Hóa và Minh Hóa: Dân tộc Bru - Vân Kiều có 14.288 người, Chơ có 5.538 người²; ngoài ra còn một số ít các dân tộc khác, như Hoa, Tày, Mường, Nùng.... Họ là những người giữ gìn các di sản văn hóa truyền thống lâu đời của vùng đất này, như ngôi nhà dài, nhà gươl, nhà Rông, không gian văn hóa lễ hội, nghề thủ tạo hình.... Các di sản văn hóa truyền thống đó cho đến nay vẫn được giữ gìn, bảo vệ đất này đã trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử. Bởi vậy, khi nghiên cứu về vùng cư trú của đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây, nhiều người đã cho rằng, đây là vùng văn hóa núi rừng, là không gian văn hóa nhà gươl, nhà rông, là không gian của nghề dệt thổ cẩm của những ngôi nhà sàn, nhà dài... Vì vậy, có thể nói vùng núi miền Trung trong không gian văn hóa núi rừng của nước ta là một bảo tàng sống/ một bảo tàng động về lịch thực cuộc sống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, cùng với nền kinh tế thị trường, với quá trình công nghiệp hóa, toàn cầu hóa, di sản văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số ở đây đang đứng trước những thách thức về việc bảo tồn và phát triển.

¹ Miền Trung hay còn gọi Trung bộ, bao gồm các tỉnh từ Bình Thuận đến Thanh Hóa, nhưng ở bài viết này chỉ đề cập đến các dân tộc thiểu số từ tỉnh Quảng Nam đến tỉnh Quảng Bình.

² Số liệu do Ban Dân tộc các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Quảng Nam cung cấp.

HỘI DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG BÌNH

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

NGHIÊN CỨU KHAI THÁC TIỀM NĂNG DU LỊCH
QUẢNG BÌNH TỪ TÀI NGUYÊN VĂN HÓA

QUẢNG BÌNH, THÁNG 11 NĂM 2018

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu

Phần I

MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ TIỀM NĂNG DU LỊCH TÀI NGUYÊN VĂN HÓA

- Phát triển du lịch từ khối tài nguyên lịch sử văn hóa và sinh thái nhân văn trong khu vực di sản thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng - T.S Nguyễn Khắc Thái 01
- Du lịch sinh thái - văn hóa tộc người ở miền núi trung bộ: Sự cần thiết, tính khả thi và mô hình ứng dụng cho tộc người Rục ở bản Ôn xã Thượng Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình - T.S Lê Anh Tuấn - Th.s Quảng Bá Chính. 08
- Khai thác Di sản văn hóa Quảng Bình với phát triển du lịch - PGS, T.S Nguyễn Văn Mạnh 18
- Lực hút du khách từ những góc ẩn khuất ở Quảng Bình - T.S Nguyễn Hữu Thông - Lê Thị Như Khuê. 27
- Quảng Trị phát triển loại hình du lịch tâm linh kết nối tuor tuyến du lịch với Quảng Bình và vùng bắc Trung Bộ - T.S Nguyễn Bình 34
- Quảng Bình thời chúa Nguyễn với vấn đề du lịch hành hương cội nguồn - T.S Trần Đình Hằng 40
- Một số di tích Hà Tĩnh - nguồn tài nguyên văn hóa mà ngành du lịch Quảng Bình có thể khai thác phát huy - Th.S Nguyễn Tri Sơn 46
- Tiềm năng văn hóa Quảng Bình trong việc phát triển du lịch sinh thái kết hợp dịch vụ du lịch Homestay - C.N Trần Thị Diệu Hồng 58
- Dãy núi Lệ Đệ tiềm năng văn hóa du lịch Quảng Bình - NNC Kim Cương 70

Phần II

VAI TRÒ, VỊ TRÍ CỦA TÀI NGUYÊN VĂN HÓA TRONG TỔNG THỂ TÀI NGUYÊN DU LỊCH QUẢNG BÌNH

- Vai trò của Di sản văn hóa trong tổng thể tài nguyên du lịch Quảng Bình - C.N Phạm Văn Chuyết 80
- Vai trò của lễ hội văn hóa truyền thống trong việc thúc đẩy phát triển du lịch ở Đồng Hới - C.N Tạ Trung Nghĩa 88
- Di sản văn hóa Phật giáo Quảng Bình qua hệ thống Phật tượng ở những ngôi chùa dọc lưu vực sông Gianh - Th.S Lê Thọ Quốc 103
- Tiềm năng di sản văn hóa và thiên nhiên với sự phát triển du lịch ở Quảng Bình - C.N Vũ Thành Vinh 115

KHAI THÁC DI SẢN VĂN HÓA QUẢNG BÌNH VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh*

Nghiên cứu các di sản văn hóa ở Quảng Bình đã có một số bài viết và công trình chuyên khảo của Nguyễn Tú, Trần Hùng, Nguyễn Thế Hoàn, Tạ Đình Hà, Văn Lợi... Tuy nhiên, hướng nghiên cứu khai thác di sản văn hóa ở vùng đất này vào hoạt động du lịch chưa được các học giả, các nhà khoa học quan tâm tìm hiểu. Bài viết này, vì vậy, tập trung giải quyết các vấn đề, như hệ thống/ phân loại di sản văn hóa, quá trình chuyển biến di sản văn hóa thành sản phẩm du lịch, những mặt hạn chế của loại hình du lịch này và đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường du lịch văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

1. Mở đầu

Trong hoạt động du lịch, di sản văn hóa của một vùng đất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng có vai trò quyết định sự hình thành sản phẩm du lịch văn hóa – loại sản phẩm in đậm dấu ấn truyền thống và nhân văn sâu sắc. Di sản văn hóa là những giá trị văn hóa hữu hình và vô hình, tồn tại dưới dạng vật thể hoặc phi vật thể, chứa đựng những tinh hoa sống động của truyền thống lịch sử một vùng đất, một dân tộc và của các nền văn hóa, văn minh toàn nhân loại. Khái niệm di sản văn hóa được UNESCO nêu lên lần đầu vào năm 1972 trong “Công ước bảo vệ các di sản thiên nhiên và di sản văn hóa”, nhưng phạm vi của di sản văn hóa được quy định trong Công ước chỉ giới hạn ở những di sản văn hóa vật thể. Phải sau 31 năm sau, tức là vào năm 2003, công ước về di sản văn hóa phi vật thể mới được thông qua⁹.

Quảng Bình là một địa phương có sự giao lưu và hội tụ văn hóa đa dạng trong tiến trình lịch sử của dân tộc, nên vùng đất này chứa đựng nhiều di sản văn hóa đặc sắc. Những di sản văn hóa đó đã và đang được khai thác có hiệu quả vào hoạt động du lịch. Tuy nhiên, vẫn còn đó những bất cập/ hạn chế làm giảm phần nào hiệu quả của nền công nghiệp không khói ở địa phương này. Bài viết này, vì vậy, tập trung đề cập đến những tiềm năng di sản văn hóa phong phú, quá trình chuyển biến di sản văn hóa thành sản phẩm du lịch, những mặt hạn chế của loại hình du lịch này cũng như đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường có hiệu quả du lịch văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Di sản văn hóa ở Quảng Bình

Chúng ta có quyền tự hào về bề dày lịch sử của vùng đất Quảng Bình với 3 dân tộc anh em: Việt, Chứt (bao gồm các nhóm Sách, Mày, Rục, Arem, Mẻ Liêng), Bru - Vân Kiều (bao gồm các nhóm Vân Kiều, Tri, Khùa, Ma Coong) trong quá trình dựng xây quê hương từ thời Văn Lang – Âu Lạc – Chăm-pa - Đại Việt cho đến ngày nay đã để lại một kho tàng di sản văn hóa vô cùng phong phú.

* Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn Huế

⁹ <https://ich.unesco.org/doc/ui/90009-VI-PDF.pdf> (TC. 8/2018)

